

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VIETGAP**  
*(Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày                      /                      /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| Stt                       | Tên chủ đầu tư                                      | Tên gói thầu                          |                                      | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn               | Hình thức lựa chọn nhà thầu            | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm |
|---------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------|-------------------|
|                           |                                                     | Tên gói thầu                          | Tóm tắt công việc chính của gói thầu |                     |                         |                                        |                               |                                     |                                             |               |                              |                   |
| 1                         | Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản | Gói thầu: Đánh giá chứng nhận VietGAP | Đánh giá chứng nhận VietGAP          | 1.188.224.000       | Ngân sách tỉnh năm 2024 | Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng | 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ    | 15 ngày                             | Tháng 9 năm 2024                            | Trọn gói      | 4 tháng                      | Không             |
| Tổng giá trị các gói thầu |                                                     |                                       |                                      | 1.188.224.000       |                         |                                        |                               |                                     |                                             |               |                              |                   |

*(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng).*